

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15 /4/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lã Hùng Cường

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phương Văn Quang.

Bà Đào Thị Minh Nguyệt

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình Thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022, về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST- DS ngày 17/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng B, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ B, P, phường V, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Anh B có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Hoàng B là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Bùi Thị T kết hôn ngày 20/02/1986 có đăng ký tại UBND xã Phúc Tiến, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sau kết hôn vợ chồng về sống tại thôn Trung Nam Lộc, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau thì phát sinh mâu thuẫn nặng nề, nguyên nhân do luôn bất đồng quan điểm sống vợ chồng

thường xuyên cãi vã nặng nề. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân hơn mười năm nay mỗi người ở một nơi. Năm 2011 do mâu thuẫn nên chị T có làm đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, sau đó chị T lại rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đến nay mâu thuẫn vẫn diễn ra, anh B xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị T.

Về con chung anh và chị T có 02 con là Nguyễn Hoàng Thắng, sinh ngày: 24/3/1987; Nguyễn Thị Vân Anh, sinh ngày: 18/12/1994. Hiện tại hai con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các thông báo, triệu tập chị T để giải quyết vụ án nhưng chị T không đến, Tòa án đến tại nhà chị T để lấy lời khai và giao các văn bản tố tụng, nhưng chị T không hợp tác, không trình bày ý kiến, có nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng chị T không ký vào biên bản giao. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thì xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, vợ chồng chị T, anh B có 02 con chung đã trưởng thành.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đúng như lời khai và biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị T đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của anh Nguyễn Hoàng B. Về con chung của vợ chồng, đã trưởng thành. Tài sản chung, công sức và nợ chung của, anh B xác định là không có. Chị T vắng mặt nên dành quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng bằng một vụ án khác khi chị T có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Anh B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây,

thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã mở phiên tòa vào ngày 28/3/2022 chị Bùi Thị T vắng mặt không có lý do. Tòa án hoãn phiên tòa, ấn định ngày xét xử là ngày 15/4/2022 và thực hiện giao quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa cho chị T. Tại phiên tòa chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Chị T có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng B và chị Bùi Thị T kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh B và chị T đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên căng thẳng đã sống ly thân được hơn mười năm, mỗi người một nơi.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh B và chị T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B.

[3] Về con chung: Anh B và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày: 24/3/1987; Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày: 18/12/1994. Hiện tại hai con đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công sức: Anh Nguyễn Hoàng B xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng B xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T không có mặt, do vậy Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện cho chị T bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng B, anh Nguyễn Hoàng B được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng B, chị Bùi Thị T có hai con chung Nguyễn Hoàng Thắng, sinh ngày: 24/3/1987; Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày: 18/12/1994 đều đã trưởng thành; Không bị khuyết về sức khỏe và tâm lý nên không đặt ra việc chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh Nguyễn Hoàng B xác định là không có.

4. Dành quyền khởi kiện cho chị Bùi Thị T bằng một vụ kiện dân sự khác về phân tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng B phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Hoàng B nộp tại biên lai số AA/2020/0056244 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hoàng B, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKKH, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường